

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 746/CĐSP-ĐT

Gia Lai, ngày 17 tháng 12 năm 2019

CÔNG KHAI CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG
VÀ BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NĂM 2019

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
1	Phạm Thị Ngọc Huệ	14/11/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2015-2018	2019	Sư phạm Địa lý	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045138	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	01	
2	Nay – H' Niều	04/12/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2015-2018	2019	Sư phạm Địa lý	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045139	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	02	
3	Lê Thị Diễm Vi	08/7/1996	Nữ	Kinh	Gia Lai	2015-2018	2019	Sư phạm Địa lý	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045140	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	03	
4	Ksor Thịnh	06/3/1997	Nam	Jrai	Gia Lai	2015-2018	2019	Sư phạm Hóa học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045141	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	04	
5	Trần Thị Lệ Huyền	21/5/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2015-2018	2019	Sư phạm Lịch sử	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045142	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	05	
6	Kpuih Vừng	03/01/1993	Nam	Jrai	Gia Lai	2015-2018	2019	Sư phạm Lịch sử	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045143	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	06	
7	Rmah H' Hăng	02/02/1996	Nữ	Jrai	Gia Lai	2015-2018	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045144	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	07	
8	Phạm Thị Quỳnh Anh	14/10/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045145	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	08	
9	Phạm Trần Mỹ Diên	30/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045146	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	09	
10	Trần Thị Dương	26/7/1998	Nữ	Kinh	Nghệ An	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045147	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	10	
11	Nguyễn Thị Kỳ Duyên	25/3/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045148	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	11	
12	Võ Thị Trường Giang	18/10/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Giỏi	Chính quy	B 969550	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	12	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
13	Hồ Thị Thúy Hằng	22/10/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045149	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	13	
14	Nguyễn Thị Thanh Hằng	02/6/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045150	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	14	
15	Bùi Thị Mỹ Hạnh	07/12/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045151	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	15	
16	Trần Thị Thu Hiền	18/01/1992	Nữ	Kinh	Bình Định	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Giỏi	Chính quy	B 969547	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	16	
17	Nguyễn Thị Huế	07/12/1998	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045152	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	17	
18	Đỗ Thị Lan Hương	02/8/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045153	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	18	
19	Huỳnh Thị Trúc Hường	03/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045154	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	19	
20	Nguyễn Thị Thúy Kiều	22/8/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045155	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	20	
21	Trần Thị Phương Lam	02/12/1998	Nữ	Kinh	Quảng Bình	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045156	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	21	
22	Đặng Thị Bích Lệ	10/6/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045157	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	22	
23	Nguyễn Khánh Linh	06/7/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045158	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	23	
24	Nguyễn Thị Ái Linh	28/02/1998	Nữ	Kinh	Nghệ An	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045159	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	24	
25	Trần Thị Mỹ Linh	01/12/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045160	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	25	
26	Ksor H' Lưm	20/6/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045161	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	26	
27	Phan Thị Luyến	12/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045162	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	27	
28	Đào Thị Mai	29/3/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045163	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	28	
29	Huỳnh Thị Kim Ngọc	09/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045164	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	29	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
30	Phan Thị Thanh Nhân	14/9/1997	Nữ	Kinh	Bình Định	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045165	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	30	
31	Đỗ Thị Ngọc Nhi	27/8/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045166	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	31	
32	Nguyễn Thị Uyên	20/6/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045167	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	32	
33	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/02/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045168	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	33	
34	Rmah H' Phung	31/10/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045169	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	34	
35	Phan Thị Thu Phương	20/10/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045170	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	35	
36	Hồ Thị Mỹ Quyền	06/01/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045171	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	36	
37	Đặng Thị Như Quỳnh	23/12/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045172	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	37	
38	Lê Thị Thu Thảo	12/02/1997	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045173	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	38	
39	Mai Thị Thu Thảo	01/12/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045174	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	39	
40	Puih H' Thi	26/3/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045175	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	40	
41	Hồ Thị Kim Thu	10/10/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045176	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	41	
42	Huỳnh Thị Thu Thương	27/5/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045177	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	42	
43	Bùi Thị Kim Thúy	14/10/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045178	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	43	
44	Phạm Thị Thùy	02/3/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045179	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	44	
45	Nguyễn Thị Phương Thủy	20/11/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Giỏi	Chính quy	B 969577	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	45	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
46	Ngô Thị Kim Toàn	07/11/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045180	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	46	
47	Đỗ Thị Thùy Trang	03/3/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Giỏi	Chính quy	B 969579	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	47	
48	Hoàng Thị Huyền Trang	24/7/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045181	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	48	
49	Vũ Thị Thùy Trang	08/08/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045182	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	49	
50	Mai Thị Mỹ Trinh	22/5/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045183	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	50	
51	Nhâm Gia Trinh	26/3/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045184	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	51	
52	Dương Thị Kim Trung	24/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045185	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	52	
53	Đỗ Thị Thanh Tuyền	28/3/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045186	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	53	
54	Hồ Thị Ngọc Tuyền	02/7/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045187	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	54	
55	Nguyễn Thị Kim Vân	19/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045188	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	55	
56	Phan Thị Anh Văn	24/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045189	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	56	
57	Nguyễn Thị Thúy Vi	16/8/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045190	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	57	
58	Nguyễn Quảng Hoàng Anh	07/11/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045191	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	58	
59	Nguyễn Thị Bích Ánh	08/12/1996	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045192	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	59	
60	Phạm Thị Ngọc Diệp	26/12/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045193	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	60	
61	Nguyễn Thị Dịu	27/9/1996	Nữ	Kinh	Quảng Trị	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045194	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	61	
62	Võ Thị Trung Đón	11/5/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045195	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	62	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
63	Trần Thị Duyên	05/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045196	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	63	
64	Rmah Hali	29/7/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045197	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	64	
65	Trần Thị Kim Hạnh	21/11/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045198	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	65	
66	Dương Thị Bích Hậu	10/11/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045199	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	66	
67	Nguyễn Thị Thúy Hiền	13/02/1997	Nữ	Kinh	Hòa Bình	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045200	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	67	
68	Phạm Thị Hiếu	09/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045201	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	68	
69	Đặng Thị Bích Hồng	09/5/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045202	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	69	
70	Đỗ Thị Thúy Hường	12/10/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045203	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	70	
71	Nguyễn Thị Phong Lan	01/5/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045204	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	71	
72	Nguyễn Thị Hồng Lệ	22/6/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045205	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	72	
73	Rah Lan H' Lem	01/01/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045206	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	73	
74	Nguyễn Thị Liên	26/12/1997	Nữ	Kinh	Nghệ An	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045207	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	74	
75	Cao Thị Mỹ Linh	21/02/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045208	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	75	
76	Long	17/11/1998	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045209	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	76	
77	Lê Thị Hoàng Nam	24/5/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045210	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	77	
78	Trịnh Thị Thu Nam	22/3/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045211	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	78	
79	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	06/9/1998	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045212	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	79	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
80	Bùi Thị Lê Ngân	08/10/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045213	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	80	
81	Nguyễn Thị Hồng Nhi	24/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045214	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	81	
82	Nguyễn Thùy Thảo Nhi	26/12/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045215	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	82	
83	Lê Thị Hồng Nhị	14/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045216	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	83	
84	Nguyễn Thị Quỳnh Như	15/10/1997	Nữ	Mường	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045217	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	84	
85	Nguyễn Thị Kim Oanh	28/3/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045218	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	85	
86	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045219	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	86	
87	Phạm Thị Thu Sương	08/01/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045220	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	87	
88	Phạm Thị Thanh	09/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045221	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	88	
89	Nguyễn Minh Thu	23/8/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045222	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	89	
90	Lý Nguyễn Ngọc Trâm	10/10/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045223	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	90	
91	Bùi Thị Kim Trang	20/8/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045224	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	91	
92	Lương Thị Trang	09/3/1998	Nữ	Sán Chỉ	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045225	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	92	
93	Nguyễn Thị Trang	14/9/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045226	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	93	
94	Trần Thị Hồng Trinh	02/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045227	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	94	
95	Trương Diệp Trúc	25/10/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045228	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	95	
96	R'ô H' Un	15/10/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045229	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	96	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
97	Phạm Đông Uyên	16/01/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045230	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	97	
98	Phan Nguyễn Vi Uyên	10/6/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045231	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	98	
99	Hồ Thị Cẩm Vi	20/12/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045232	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	99	
100	Đặng Khánh Vy	17/9/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045233	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	100	
101	Nguyễn Thị Trần Vy	14/6/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045234	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	101	
102	Nguyễn Thị Tường Vy	10/7/1997	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045235	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	102	
103	Nguyễn Thị Ngọc Anh	19/7/1996	Nữ	Kinh	Gia Lai	2014-2017	2019	Sư phạm Mỹ thuật	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045236	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	103	
104	Huỳnh Thị Ngọc Cẩm	19/01/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045237	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	104	
105	Rơ Lan H' Duyên	20/6/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045238	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	105	
106	Kpă H' Gét	13/3/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045239	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	106	
107	Nguyễn Thị Phương Hào	26/8/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045240	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	107	
108	Bùi Thị Thanh Hiền	27/8/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045241	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	108	
109	Phan Thị Hiền	10/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045242	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	109	
110	Ksor H' Lệ	14/6/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045243	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	110	
111	Puih H' Loan	15/7/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045244	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	111	
112	Siu H' Mơ	06/6/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045245	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	112	
113	Nay H' Muin	23/6/1993	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045246	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	113	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
114	Bùi Thị Tuyết Nga	19/4/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045247	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	114	
115	Puih H' Ngân	08/7/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045248	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	115	
116	Ksor H' Nun	10/6/1996	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045249	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	116	
117	Lương Thị Thanh Tâm	06/7/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045250	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	117	
118	Ngô Thị Hoài Thu	03/11/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045251	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	118	
119	Nguyễn Thị Tình	21/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045252	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	119	
120	Phạm Thị Thu Uyên	23/9/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045253	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	120	
121	Nguyễn Hoàng Vũ	24/02/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045254	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	121	
122	Ksor Xuân	06/9/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045255	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	122	
123	Ksor H' Zoan	15/7/1995	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045256	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	123	
124	Mai Thị Vân Anh	14/02/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Quản Trị Văn Phòng	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045257	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	124	
125	Trương Thị Thanh Hân	19/5/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2016-2019	2019	Quản Trị Văn Phòng	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045258	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	125	
126	Rmah Khe	09/4/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Quản Trị Văn Phòng	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045259	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	126	
127	Nguyễn Thị Thảo Linh	08/8/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Quản Trị Văn Phòng	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045260	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	127	
128	Nguyễn Thị Trinh Nữ	21/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Quản Trị Văn Phòng	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045261	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	128	
129	Nguyễn Thị Hoài Thu	31/8/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Quản Trị Văn Phòng	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045262	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	129	
130	Phan Văn Trọng	02/08/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2016-2019	2019	Quản Trị Văn Phòng	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045263	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	130	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
131	Kpă Tươ	21/02/1997	Nam	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Quản Trị Văn Phòng	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045264	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	131	
132	Dương Thị Bình	10/02/1997	Nữ	Kinh	Đăk Lăk	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045265	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	132	
133	Nay H' El	23/12/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045266	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	133	
134	Nguyễn Thị Minh Hằng	15/11/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Giỏi	Chính quy	B 1045026	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	134	
135	Phan Thị Út Hậu	31/3/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045267	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	135	
136	Trịnh Thị Hậu	02/6/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045268	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	136	
137	Nguyễn Thị Thu Hiền	13/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045269	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	137	
138	Thân Ngọc Hiệp	14/5/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045270	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	138	
139	Bùi Thanh Huyền	13/6/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045271	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	139	
140	Trần Ngọc Lan Hương	20/5/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045272	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	140	
141	Phan Quỳnh Loan	21/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045273	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	141	
142	Võ Thị Kim Loan	20/01/1988	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045274	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	142	
143	Nguyễn Kiều My	25/9/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045275	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	143	
144	Nguyễn Việt Nam	21/3/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045276	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	144	
145	Đinh Thị Nga	02/6/1997	Nữ	Mường	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045277	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	145	
146	Nguyễn Thanh Nhã	21/12/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045278	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	146	
147	Trần Thị Thanh Quỳnh	23/10/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045279	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	147	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
148	H' Salim	02/02/1996	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045280	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	148	
149	Phạm Thị Kim Sang	30/11/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045281	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	149	
150	Nguyễn Hoài Sơn	16/10/1997	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045282	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	150	
151	Rmah Thĩ	09/5/1995	Nam	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045283	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	151	
152	Ksor H' Tiên	15/8/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045284	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	152	
153	Nguyễn Thị Minh Trang	26/12/1987	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Giỏi	Chính quy	B 1045045	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	153	
154	Lê Thị Thảo Vy	11/11/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045285	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	154	
155	Nay H' Wa	06/7/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư Phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045286	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	155	
156	Phạm Thị Hồng Thắm	30/6/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2015-2018	2019	Sư phạm Sinh Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045287	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	156	
157	Thân Thị Bích Trâm	10/12/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2015-2018	2019	Tiếng Anh	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045288	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	157	
158	Rơ Mah Thura	03/02/1995	Nữ	Jrai	Gia Lai	2014-2017	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045289	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	158	
159	Vũ Thị Thúy An	20/4/1998	Nữ	Kinh	Thái Bình	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045290	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	159	
160	Vũ Thị Vân Anh	05/01/1998	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045291	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	160	
161	Blui	05/3/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045292	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	161	
162	Phan Văn Chánh	17/7/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045293	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	162	
163	Cái Thị Chung	11/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045294	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	163	
164	Nguyễn Thị Đào	23/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045295	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	164	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
165	Nay H' Drim	28/9/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045296	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	165	
166	Nguyễn Thị Thùy Dung	18/7/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045297	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	166	
167	Lương Thị Duyên	15/02/1998	Nữ	Thái	Nghệ An	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045298	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	167	
168	Nguyễn Thị Trà Giang	16/10/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045299	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	168	
169	R'măh H' Grun	22/4/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045300	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	169	
170	Siu H' Ha	01/3/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045301	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	170	
171	Triệu Thị Hằng	20/10/1998	Nữ	Nùng	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045302	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	171	
172	Siu H' Hoa	09/9/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045303	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	172	
173	Nguyễn Huy Hoài	12/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045304	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	173	
174	Đàm Mạnh Hùng	08/6/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045305	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	174	
175	Nguyễn Thị Kim Hương	24/8/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Giỏi	Chính quy	B 1045068	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	175	
176	Nguyễn Xuân Hữu	27/8/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045306	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	176	
177	Phạm Thị Như Lan	30/10/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045307	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	177	
178	Lê Thị Kim Liên	23/5/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045308	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	178	
179	Trần Thị Mỹ Linh	03/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045309	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	179	
180	Puih H' Loan	04/01/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045310	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	180	
181	Nguyễn Thị Lợi	03/9/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045311	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	181	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
182	Puih Mừng	23/4/1997	Nam	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045312	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	182	
183	Phan Thị Thu Mỹ	02/12/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045313	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	183	
184	Siu H' Nguyên	14/10/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045314	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	184	
185	Nay H' Nhat	26/8/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045315	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	185	
186	Lê Thị Tuyết Nhung	26/5/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045316	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	186	
187	Ksor Thái	11/3/1996	Nam	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045317	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	187	
188	Rơ Châm Thoãn	01/02/1996	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045318	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	188	
189	Thop	08/3/1997	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045319	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	189	
190	Đoàn Thùy Trang	25/12/1996	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045320	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	190	
191	Đào Thị Thanh Vân	02/02/1997	Nữ	Nùng	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045321	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	191	
192	Huỳnh Thị Tường Vi	12/10/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045322	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	192	
193	Kpă H' Beng	28/8/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045323	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	193	
194	Huỳnh Đỗ Bảo Châu	20/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1045324	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	194	
195	Đặng Thành Chiến	13/11/1997	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045325	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	195	
196	Vũ Lê Kiều Chinh	11/3/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045326	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	196	
197	Lê Công Chính	16/10/1997	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045327	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	197	
198	Mai Đình Thùy Dung	13/5/1998	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045328	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	198	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
199	Nguyễn Thị Thùy Dung	12/4/1993	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045329	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	199	
200	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	24/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045330	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	200	
201	Mai Thị Hương Giang	01/01/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045331	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	201	
202	Trần Thị Mỹ Hà	31/01/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045332	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	202	
203	Hà Thanh Hoài	13/10/1998	Nữ	Nùng	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045333	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	203	
204	Rơ Châm Hyin	12/4/1996	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045334	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	204	
205	Rmah H' In	10/10/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1045335	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	205	
206	Nay H' Lên	09/3/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044936	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	206	
207	Đinh Thị Kim Liên	01/8/1998	Nữ	Mường	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044959	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	207	
208	Ksor H' Linh	11/7/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044938	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	208	
209	Nguyễn Thị Phương Nga	25/5/1996	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044939	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	209	
210	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	28/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044940	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	210	
211	Siu H' Nhang	09/6/1998	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044941	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	211	
212	A Lê H' Nhoen	01/10/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044942	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	212	
213	Đào Thị Hồng Nhung	04/9/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044943	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	213	
214	Trần Thị Mỹ Nương	29/10/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044944	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	214	
215	Nguyễn Thị Mỹ Oanh	02/02/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044945	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	215	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
216	Nguyễn Quốc Phận	03/4/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044946	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	216	
217	Nguyễn Đình Triệu Quỳnh	01/11/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Giỏi	Chính quy	B 1045114	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	217	
218	Trần Nguyễn Thủy Sơn	15/4/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044947	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	218	
219	Lê Thị Tâm	07/9/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044948	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	219	
220	Siu H' Thâm	05/12/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044949	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	220	
221	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/02/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044950	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	221	
222	Lê Hữu Thọ	20/11/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044951	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	222	
223	Trần Thị Hoài Thương	28/12/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044952	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	223	
224	Phạm Thị Thùy	24/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044953	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	224	
225	Siu Tuy	28/3/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044954	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	225	
226	Lê Thị Ánh Tuyết	30/12/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044955	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	226	
227	Ksor H' Vuế	10/10/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044956	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	227	
228	Lê Thị Yên	12/10/1998	Nữ	Kinh	Nghệ An	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044957	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	228	
229	Trần Thị Thu Yên	06/11/1996	Nữ	Kinh	Nam Định	2016-2019	2019	Giáo Dục Tiểu Học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044958	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	229	
230	Nguyễn Cao Hùng	26/12/1997	Nam	Kinh	Phú Thọ	2015-2018	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044960	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	230	
231	Nguyễn Thị Trâm Anh	15/01/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044961	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	231	
232	Ksor H' Chí	22/11/1995	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044962	387/QĐ-CĐSP,04/7/2019	232	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
233	Nguyễn Thị Kiều Diễm	10/3/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044963	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	233	
234	Nguyễn Thị Huyền	08/5/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044964	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	234	
235	Lưu Đỗ Ngọc Linh	16/10/1996	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044965	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	235	
236	Nguyễn Thị Trà My	25/4/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Giỏi	Chính quy	B 1045133	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	236	
237	Vũ Thị Nâng	01/3/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044966	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	237	
238	Đặng Thị Ánh Nguyệt	01/11/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044967	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	238	
239	Thái Hồng Nhân	19/9/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044968	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	239	
240	Ksor H' Nuyet	24/02/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044969	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	240	
241	Rah Lan Phiên	07/7/1993	Nam	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044970	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	241	
242	Dương Thị Kim Thu	14/10/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044971	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	242	
243	Võ Trần Thương Thương	07/12/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044972	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	243	
244	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	28/01/1996	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044973	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	244	
245	Nguyễn Thị Thùy Trang	03/10/1998	Nữ	Kinh	Kom Tum	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044974	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	245	
246	Nguyễn Thị Bích Trâm	09/12/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044975	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	246	
247	Phạm Thị Quỳnh Trâm	01/11/1996	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Giỏi	Chính quy	B 1044976	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	247	
248	Nguyễn Thị Tú Triều	07/10/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044977	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	248	
249	Dương Thị Xuân Uyên	14/12/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044978	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	249	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
250	Lưu Ái Vy	28/7/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044979	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	250	
251	Trần Thị Xuân Yến	16/4/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B 1044980	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	251	
252	Trần Đức Phương	16/01/1997	Nam	Kinh	Quảng Trị	2016-2019	2019	Sư phạm Vật lý	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B 1044981	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	252	
253	Rlan H' Chyên	12/02/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B 764312	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	253	
254	Romah Alisabét	25/02/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764313	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	254	
255	Nguyễn Thị Trường An	10/02/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764314	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	255	
256	Puih Ayềng	11/9/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764315	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	256	
257	Siu H' Byu	09/4/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764316	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	257	
258	Đỗ Thị Dung	15/8/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764317	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	258	
259	Rơ Mah H' Hai	27/3/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764318	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	259	
260	Phạm Thị Hằng	08/7/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764319	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	260	
261	Nay H' Hảo	08/4/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764320	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	261	
262	Nay Hoa	22/10/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764321	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	262	
263	Rmah H' Kiêm	01/10/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764322	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	263	
264	Ksor H' Linh	30/11/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764323	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	264	
265	Đàm Thị Lưu	24/9/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	Chính quy	B 764324	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	265	
266	Đào Thị Nguyệt Mai	29/5/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B 764325	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	266	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
267	Siu H' Nao	14/8/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764326	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	267	
268	Naômi	15/4/1999	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764327	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	268	
269	Rmah H' Num	03/11/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764328	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	269	
270	Đặng Thị Hồng Phấn	20/7/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764329	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	270	
271	Phạm Phúc Quý	25/9/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764330	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	271	
272	Rah Lan H' Sơ	10/11/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764331	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	272	
273	Nguyễn Thị Thu Thảo	01/6/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764332	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	273	
274	Nguyễn Thị Thảo	20/3/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	Chính quy	B 764333	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	274	
275	Đỗ Thị Hồng Thu	04/3/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764334	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	275	
276	Lê Thị Minh Thur	30/7/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764335	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	276	
277	Nay H' Thương	18/02/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764336	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	277	
278	Siu H' Tình	03/6/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764337	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	278	
279	Lê Thị Hiền Trang	08/10/1991	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	Chính quy	B 764338	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	279	
280	Trần Thị Bích Tuyền	17/5/1992	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764339	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	280	
281	Đinh Thị Banh	03/3/1999	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B 764340	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	281	
282	Ksor H' Chanh	23/10/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B 764341	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	282	
283	Rah Lan H' Chóc	09/8/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764342	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	283	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
284	Đinh Thị Churp	10/09/1999	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 764343	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	284	
285	Rơ Ô H'	02/09/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842941	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	285	
286	Rơ Lan Dực	16/02/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842942	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	286	
287	Nguyễn Vương Thùy Dương	02/02/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842943	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	287	
288	Nguyễn Thị Ánh Hồng	13/7/1995	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	Chính quy	B 842944	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	288	
289	Nay H' Kroăi	19/4/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B 842945	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	289	
290	Trần Thị Thùy Linh	27/4/1998	Nữ	Kinh	Nam Định	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842946	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	290	
291	Đinh Thị Nây	10/3/1999	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842947	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	291	
292	Rơ Ô H' Nét	14/8/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B 842948	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	292	
293	Kpuih Ngân	24/04/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842949	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	293	
294	Rmah H' Nuinh	15/01/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842950	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	294	
295	Ksor H' Nunh	26/10/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842951	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	295	
296	Lê Thị Diễm Phúc	28/01/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842952	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	296	
297	Phạm Thị Sáu	05/02/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842953	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	297	
298	Đông Thị Thanh Thảo	20/11/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842954	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	298	
299	Lương Thị Thanh Thủy	25/8/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842955	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	299	
300	Võ Thị Tình	28/08/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842956	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	300	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
301	Ksor H' Tôl	16/9/1995	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842957	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	301	
302	Trần Thị Thùy Trang	19/4/1995	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842958	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	302	
303	Puih H' Trinh	27/01/1993	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842959	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	303	
304	Võ Thị Trúc Uyên	01/01/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	Chính quy	B 842960	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	304	
305	Ksor H' Bang	09/02/1998	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842961	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	305	
306	Nông Thị Đào	23/01/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842976	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	306	
307	Nguyễn Thị Thu Hồng	08/12/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842975	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	307	
308	Nguyễn Thị Thanh Huệ	13/7/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842974	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	308	
309	Nguyễn Thị Mỹ Linh	16/11/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842973	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	309	
310	H' Loi	28/11/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	Chính quy	B 842972	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	310	
311	Trương Thị Long	19/02/1998	Nữ	Jrai	Hà Tĩnh	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	Chính quy	B 842971	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	311	
312	Nay H' Merry	14/9/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B 842970	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	312	
313	Ksor Na	21/4/1999	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842978	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	313	
314	Nguyễn Thanh Bảo Ngọc	17/7/1999	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B 842968	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	314	
315	Nhach	1999	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B 842967	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	315	
316	Ksor H' Nô	05/12/1997	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842966	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	316	
317	Ksor H' Noa	02/3/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842965	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	317	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
318	Ksor H' Noah	08/01/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842964	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	318	
319	Phạm Bích Phương	12/10/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842963	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	319	
320	Vô Thị Thu Phượng	20/9/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	Chính quy	B 842962	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	320	
321	Son	26/01/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	Chính quy	B 842977	387/QĐ-CDSP,04/7/2019	321	
322	Nguyễn Thị Ngọc Ái	15/5/1992	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841273	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	322	
323	Trần Thanh Hải Anh	23/01/1995	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841274	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	323	
324	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/11/1984	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841275	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	324	
325	Hoàng Thị Chung	25/10/1990	Nữ	Kinh	Nghệ An	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841276	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	325	
326	Đặng Thị Hồng Đào	25/11/1993	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841277	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	326	
327	Huỳnh Thị Thùy Dung	20/01/1987	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841278	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	327	
328	Mai Thị Phương Dung	24/02/1994	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841279	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	328	
329	Trần Thị Hà	22/7/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Trung bình khá	VLVH	B 841282	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	329	
330	Nguyễn Thị Thu Hằng	15/5/1985	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841281	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	330	
331	Phạm Thị Hằng	28/11/1994	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841283	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	331	
332	Phạm Thị Diễm Hạnh	28/7/1994	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841284	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	332	
333	Trương Thị Hào	04/8/1991	Nữ	Kinh	Quảng Bình	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841285	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	333	
334	Hồ Thị Sắc Hết	01/02/1986	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841286	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	334	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
335	Lê Thị Hoa	05/3/1992	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841287	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	335	
336	Nguyễn Như Hoài	03/11/1994	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841288	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	336	
337	Đinh Thị Kiều	15/9/1993	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841289	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	337	
338	Phạm Thị Lành	22/4/1979	Nữ	Kinh	Nam Định	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841290	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	338	
339	Lê Thị Hồng Linh	02/01/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841291	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	339	
340	Đặng Thị Tuyết Minh	21/6/1990	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841292	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	340	
341	Nguyễn Thị Ngọc	16/10/1994	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841293	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	341	
342	Hoàng Thị Quỳnh	08/10/1989	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841294	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	342	
343	Lê Thị Kim Oanh	17/5/1991	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841295	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	343	
344	Trần Thị Phương	12/02/1994	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841296	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	344	
345	Nguyễn Thị Tâm	04/4/1984	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841297	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	345	
346	Trịnh Thị Thơm	24/10/1985	Nữ	Kinh	Ninh Bình	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841298	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	346	
347	Đinh Thị Mộng Thủy	15/02/1991	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Trung bình khá	VLVH	B 841299	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	347	
348	Huỳnh Thụy Mai Thy	20/11/1987	Nữ	Kinh	Tiền Giang	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	VLVH	B 841300	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	348	
349	Vũ Thị Tình	11/3/1992	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841301	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	349	
350	Nguyễn Quỳnh Trang	15/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841302	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	350	
351	Phạm Thị Thu Trang	10/4/1985	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Khá	VLVH	B 841303	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	351	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
352	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	20/02/1988	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	VLVH	B 841304	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	352	
353	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	04/11/1995	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	VLVH	B 841305	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	353	
354	Trần Thị Thu Vân	06/7/1994	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	VLVH	B 841306	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	354	
355	Lê Thị Diễm Vang	30/11/1984	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	VLVH	B 841307	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	355	
356	Hàn Bạch Vi	13/10/1983	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	VLVH	B 841308	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	356	
357	Trần Thị Yến	03/6/1990	Nữ	Kinh	Nghệ An	2016-2019	2019	Sư phạm Mầm Non	TCCN	Giỏi	VLVH	B 841309	440/QĐ-CDSP,05/8/2019	357	
358	Trần Thị Thanh Hân	14/07/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B1044982	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	358	
359	Nguyễn Thị Quỳnh	07/11/1998	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	2016-2019	2019	Giáo dục Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B1044983	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	359	
360	Nguyễn Oanh Oanh	23/08/1998	Nữ	Kinh	Đăk Lăk	2016-2019	2019	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B1044984	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	360	
361	Phạm Thị Hiên	23/02/1998	Nữ	Kinh	Kom Tum	2016-2019	2019	Quản Trị Văn phòng	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B1044985	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	361	
362	Trần Thị Tiên Nhi	29/11/1998	Nữ	Kinh	Kom Tum	2016-2019	2019	Quản Trị Văn phòng	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B1044986	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	362	
363	Nguyễn Trung Tiến	22/11/1997	Nam	Kinh	Gia lai	2016-2019	2019	Sư phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B1044987	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	363	
364	Nguyễn Thị Thu Hà	30/04/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B1044988	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	364	
365	Trần Thị Hòa	17/08/1998	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	2016-2019	2019	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B1044989	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	365	
366	Nguyễn Tiến Hùng	29/01/1997	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B1044990	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	366	
367	Bùi Thị Hương	01/03/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B1044991	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	367	
368	Rơ Châm H' Lai	04/07/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B1044992	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	368	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
369	Nguyễn Thị Hà Ngân	27/07/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B1044993	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	369	
370	Ksor H' Jrim	29/12/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B1044994	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	370	
371	Nguyễn Thị Kim Khánh	24/03/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B1044995	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	371	
372	Phan Ngọc Tuyết Dũng	27/11/1998	Nam	Kinh	An Giang	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B1044996	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	372	
373	Nguyễn Thị Điềm	09/11/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B1044997	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	373	
374	Ksor H' Huê	14/02/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B1044998	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	374	
375	Đỗ Thị Mỹ Huyền	08/03/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Khá	Chính quy	B1044999	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	375	
376	Bùi Lý Huỳnh	28/01/1998	Nam	Mường	Thanh Hóa	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy	B1045000	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	376	
377	Trương Linh	30/03/1997	Nam	Thái	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy		577/QĐ-CDSP,07/10/2019	377	Đang chờ cấp bằng
378	Nguyễn Thị Hằng Nga	28/08/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy		577/QĐ-CDSP,07/10/2019	378	Đang chờ cấp bằng
379	Huỳnh Lê Sang	23/04/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy		577/QĐ-CDSP,07/10/2019	379	Đang chờ cấp bằng
380	Lê Trần Minh Thi	14/07/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy		577/QĐ-CDSP,07/10/2019	380	Đang chờ cấp bằng
381	Siu Vát	11/07/1996	Nam	Jrai	Gia Lai	2016-2019	2019	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Trung bình khá	Chính quy		577/QĐ-CDSP,07/10/2019	381	Đang chờ cấp bằng
382	Lê Thị Thủy	21/10/1997	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Trung bình Khá	Chính quy		577/QĐ-CDSP,07/10/2019	382	Đang chờ cấp bằng
383	Nguyễn Thanh Uyên Dung	07/12/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B842980	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	383	
384	Nguyễn Thị Hạnh	09/05/1995	Nữ	Kinh	Bắc Giang	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B842981	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	384	
385	Rơ Châm Kim	08/05/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B842982	577/QĐ-CDSP,07/10/2019	385	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình Thức Đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số quyết định	Số vào sổ (2019)	Ghi chú
386	Nguyễn Thị Diệu Linh	05/10/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B842983	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	386	
387	Nguyễn Thị Phương Thùy	25/09/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B842984	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	387	
388	Nguyễn Siu Thùy	20/02/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B842985	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	388	
389	Trần Thị Thùy Trang	24/09/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B842986	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	389	
390	Puih H' Phước	01/03/1999	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B842987	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	390	
391	Cáp Nguyễn Ý Thịnh	20/09/1996	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B842995	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	391	
392	Ksor H' Thương	10/10/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B842989	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	392	
393	Đinh Thị Vich	11/01/1996	Nữ	Bahnar	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B842990	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	393	
394	Vũ Thị Linh	05/12/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B842991	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	394	
395	Nguyễn Thị Hoài Thu	06/02/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Khá	Chính quy	B842992	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	395	
396	Mai Thị Lệ Tuyền	18/12/1999	Nữ	Kinh	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B842993	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	396	
397	Rơ Lan Vàng	05/09/1998	Nữ	Jrai	Gia Lai	2017-2019	2019	Sư phạm Mầm non	TCCN	Trung bình khá	Chính quy	B842994	577/QĐ-CĐSP,07/10/2019	397	

Danh sách này có tên 397 người.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Gia Lai;
- Các bộ phận trực thuộc;
- Đăng: Website nhà trường;
- Lưu: ĐT, VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

TS. Nguyễn Thị Thu Hà

